

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 02 - 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp

Ông Ngô Hoàng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Huyền Trang -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 333/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Diệp Thanh M, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Nhà không số, đường S, Khu tái định cư khóm V, phường Y, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Võ Thanh H, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Nhà không số, đường S, Khu tái định cư khóm V, phường Y, thành phố C, tỉnh Cà Mau . (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Trương Diệp Thanh M trình bày tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

Hôn nhân: Bà và ông Võ Thanh H kết hôn vào năm 2001, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 9, thành phố Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2008 phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do ông H không quan tâm, chăm sóc vợ con, mâu thuẫn về kinh tế gia đình. Bà xác định hôn nhân giữa bà và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, bà không còn tình cảm với ông H, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Con chung: Bà và ông H có hai người con chung tên Võ Trương Thanh Tr, sinh năm 2003, hiện đã trưởng thành, có sức khỏe bình thường nên không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ nuôi dưỡng và cấp dưỡng; Võ Trương Thanh T, sinh ngày 12/02/2008 đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi cháu T, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Bà M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà M xác định không có nợ chung, không ai nợ lại ông, bà.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Võ Thanh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo cho ông H đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông H vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Ông Võ Thanh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông H vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với ông H.

[2] Hôn nhân: Bà Trương Diệp Thanh M khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Thanh H, Hội đồng xét xử thấy rằng bà M và ông H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2001, chung sống hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà M cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2008 phát sinh nhiều mâu thuẫn, chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do ông H không quan tâm, chăm sóc vợ con, mâu thuẫn về kinh tế gia đình. Bà M xác định bà không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu được ly hôn với ông H. Xét thấy, bà M và ông H xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc. Đối với ông H không có ý kiến với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không xem xét. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà M về việc ly hôn với ông H là có căn cứ.

[3] Con chung: Bà M và ông H có hai người con chung tên Võ Trương Thanh Tr, sinh năm 2003, hiện đã trưởng thành, có sức khỏe bình thường, đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết về nghĩa vụ nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Đối với Võ Trương Thanh T, sinh ngày 12/02/2008, hiện đang sống cùng bà M. Khi ly hôn, bà M yêu cầu được nuôi cháu T, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu T hiện đang sống chung ổn định với bà M nên cần tạo điều kiện cho cháu được thuận lợi học tập, ổn định cuộc sống, phát triển tốt nhất về tâm, sinh lý và phù hợp với nguyện vọng của cháu T tại Biên bản ghi nhận ý kiến con ngày 21/01/2022. Ông H không có ý kiến nên không xem xét. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà M giao cháu Võ

Trương Thanh T cho bà M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, bà M không yêu cầu nên không đặt xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Tài sản chung: Bà M xác định không có. Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Nợ chung: Bà M xác định không có ông, bà không có nợ chung. Không ai yêu cầu về nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Diệp Thanh M về việc yêu cầu ly hôn với ông Võ Thanh H.

Con chung: Giao Võ Trương Thanh T, sinh ngày 12/02/2008, đang sống cùng bà M cho bà M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà Trương Diệp Thanh M phải nộp 300.000 đồng. Ngày 09/9/2021, bà M đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0001355, được đối trừ, chuyển thu, nộp vào Ngân sách nhà nước.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND phường 9, thành phố Cà Mau;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hân